

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *698* /QĐ-STP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.**

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UB ngày 27/3/1982 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tư pháp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh theo Biểu số 1, 2 đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;

- Lưu: VT, KT.



Huỳnh Văn Hạnh

**BỘ TOÀN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 698/QĐ-STP ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Sở Tư pháp TP.HCM)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp II đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)



STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng											
		A	B	I=2+3+...+11	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số	VP Sở Tư pháp C414-K341	TT. Trợ giúp PLNN C414-K338	TT. DV đầu giả tài sản C414-K338	Phòng Công chứng số 1 C414-K338	Phòng Công chứng số 2 C414-K338	Phòng Công chứng số 3 C414-K338	Phòng Công chứng số 4 C414-K338	Phòng Công chứng số 5 C414-K338	Phòng Công chứng số 6 C414-K338	Phòng Công chứng số 7 C414-K338		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí												
I.1	Số thu phí, lệ phí	158,945,000,000	20,945,000,000	-	24,000,000,000	18,000,000,000	15,000,000,000	28,000,000,000	20,000,000,000	14,000,000,000	19,000,000,000		
	Lệ phí	845,000,000	845,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- LP sao lục	550,000,000	550,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
	- LP Quốc tịch, XNQT	85,000,000	85,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
	- LP Đăng ký hoạt động (trong nước)	160,000,000	160,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
	- LP Đăng ký hoạt động (nước ngoài)	50,000,000	50,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
I.2	Phí	158,100,000,000	20,100,000,000	-	24,000,000,000	18,000,000,000	15,000,000,000	28,000,000,000	20,000,000,000	14,000,000,000	19,000,000,000		
	- Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp	20,100,000,000	20,100,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
	- Phí công chứng, chứng thực	138,000,000,000	-	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	113,238,450,000	9,738,450,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
2.1	Chi quản lý hành chính, chi sự nghiệp	113,238,450,000	9,738,450,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
	a	Kinh phí thực hiện chế độ tư chủ	113,238,450,000	9,738,450,000	0	0	0	0	0	0	0		
		Kinh phí chi trả cho các cơ quan phối hợp, xác minh hồ sơ LLTP	9,738,450,000	9,738,450,000	0	0	0	0	0	0	0		
	b	Kinh phí không thực hiện chế độ tư chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	45,706,550,000	11,206,550,000	-	6,000,000,000	4,500,000,000	3,750,000,000	7,000,000,000	5,000,000,000	3,500,000,000	4,750,000,000		
3.1	Lệ phí	845,000,000	845,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- LP sao lục	550,000,000	550,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
	- LP Quốc tịch, XNQT	85,000,000	85,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
	- LP Đăng ký hoạt động (trong nước)	160,000,000	160,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
	- LP Đăng ký hoạt động (nước ngoài)	50,000,000	50,000,000	0	0	0	0	0	0	0	0		
3.2	Phí	44,861,550,000	10,361,550,000	-	6,000,000,000	4,500,000,000	3,750,000,000	7,000,000,000	5,000,000,000	3,500,000,000	4,750,000,000		
	- Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp (gồm: 15% số thu nộp NSNN + số tiền thu Phí LLTP còn lại sau khi đã trích chuyển % cho các CQXM).	10,361,550,000	10,361,550,000	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Phí công chứng, chứng thực	34,500,000,000	-	-	6,000,000,000	4,500,000,000	3,750,000,000	7,000,000,000	5,000,000,000	3,500,000,000	4,750,000,000		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	65,348,000,000	57,583,000,000	7,725,000,000	490,000,000	-	-	-	-	-	-		
I	Chi quản lý hành chính	57,583,000,000	57,583,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-		

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng									
			VP Sở Tư pháp C414- K341	TT. Trợ giúp PLNN C414- K338	TT. DV đầu giá tài sản C414- K338	Phòng Công chứng số 1 C414- K338	Phòng Công chứng số 2 C414- K338	Phòng Công chứng số 3 C414- K338	Phòng Công chứng số 4 C414- K338	Phòng Công chứng số 5 C414- K338	Phòng Công chứng số 6 C414- K338	Phòng Công chứng số 7 C414- K338
A	B	$l=2+3+...+11$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>14.477.000.000</b>	<b>14.477.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>							
	- Chi từ ngân sách thành phố	12.834.000.000	12.834.000.000	0	0							
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2020</i>	<i>458.651.000</i>	<i>458.651.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>							
	+ Kinh phí chi cho công tác thi đua khen thưởng	120.000.000	120.000.000	0	0							
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	1.240.000.000	1.240.000.000	0	0							
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	403.000.000	403.000.000	0	0							
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>43.106.000.000</b>	<b>43.106.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>							
	- Chi từ ngân sách thành phố	35.995.000.000	35.995.000.000	0	0							
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2020</i>	<i>99.500.000</i>	<i>99.500.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>							
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	7.111.000.000	7.111.000.000	0	0							
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0	0	0	0							
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác</b>	<b>7.765.000.000</b>	<b>-</b>	<b>7.275.000.000</b>	<b>490.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>3.087.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.087.000.000</b>	<b>0</b>							
	- Chi từ ngân sách thành phố	2.757.000.000		2.757.000.000								
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2020</i>	<i>110.897.000</i>		<i>110.897.000</i>								
	+ Kinh phí chi cho công tác thi đua khen thưởng	20.000.000		20.000.000								
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	314.000.000		314.000.000								
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	16.000.000		16.000.000								
<b>2.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>4.678.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.188.000.000</b>	<b>490.000.000</b>							
	- Chi từ ngân sách thành phố	2.973.000.000		2.483.000.000	490.000.000							
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2020</i>	<i>0</i>		<i>0</i>	<i>0</i>							
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	1.705.000.000		1.705.000.000	0							
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0		0	0							

SỞ TƯ PHÁP TP.HCM

*95*

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 698/QĐ-STP ngày 31/12/2019 của Sở Tư pháp Tp.HCM)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	C
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>20.945.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>20.945.000.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>845.000.000</b>
	- LP sao lục	550.000.000
	- LP Quốc tịch, XNQT	85.000.000
	- LP Đăng ký hoạt động (trong nước)	160.000.000
	- LP Đăng ký hoạt động (nước ngoài)	50.000.000
<b>1.2</b>	<b>Phí</b>	<b>20.100.000.000</b>
	- Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp	20.100.000.000
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>9.738.450.000</b>
<b>2.1</b>	<b>Chi quản lý hành chính, chi sự nghiệp</b>	<b>9.738.450.000</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.738.450.000
	<i>Kinh phí chi trả cho các cơ quan phối hợp, xác minh hồ sơ LLTP</i>	9.738.450.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>11.206.550.000</b>
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>845.000.000</b>
	- LP sao lục	550.000.000
	- LP Quốc tịch, XNQT	85.000.000
	- LP Đăng ký hoạt động (trong nước)	160.000.000
	- LP Đăng ký hoạt động (nước ngoài)	50.000.000
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>	<b>10.361.550.000</b>
	- Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp (gồm: 15% số thu nộp NSNN + số tiền thu Phí LLTP còn lại sau khi đã trích chuyển % cho các CQXM).	10.361.550.000
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>57.583.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>57.583.000.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>14.477.000.000</b>
	- Chi từ ngân sách thành phố	12.834.000.000
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL năm 2020</i>	458.651.000
	<i>+ Kinh phí chi cho công tác thi đua khen thưởng</i>	120.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	1.240.000.000

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	C
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	403.000.000
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>43.106.000.000</b>
	- Chi từ ngân sách thành phố	35.995.000.000
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL năm 2020</i>	<i>99.500.000</i>
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	7.111.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	

**Ghi chú:**

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố, số tiền là **1.240.000.000 đồng (và từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị năm trước chuyển sang: 403.000.000 đồng)** chỉ được dùng để chi chênh lệch tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo chênh lệch tăng lương, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được tiếp tục quản lý và sử dụng để đảm bảo nhu cầu tăng lương theo lộ trình của Chính phủ.

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố (và từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị năm trước chuyển sang- nếu có) với số tiền là **7.111.000.000 đồng**, chỉ được dùng để chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16/3/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được tiếp tục quản lý và sử dụng để đảm bảo nhu cầu chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.

- **Danh mục kinh phí thực hiện không tự chủ năm 2020:** chi tiết theo Bảng kê đính kèm.

SỞ TƯ PHÁP TP.HCM

STT	NỘI DUNG	Nguồn	SỐ TIỀN
	Dự toán thực hiện không tự chủ cấp đầu năm 2020, trong đó:		43.106.000.000
01	- Kinh phí chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 03/NQ-HBND	14	7.111.000.000
02	- Kinh phí phụ cấp thâm niên nghề nghiệp thanh tra	12	30.000.000
03	- Kinh phí phụ cấp đặc biệt ngành thanh tra (25%)	12	80.000.000
04	- Kinh phí bồi dưỡng công tác tiếp công dân, xử lý đơn	12	58.000.000
05	- Kinh phí đồng phục Thanh tra	12	16.000.000
06	- Kinh phí phục vụ hoạt động xử phạt vi phạm hành chính	12	50.000.000
07	- Kinh phí hỗ trợ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	12	34.000.000
08	- Kinh phí duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng ISO	12	80.000.000
09	- Kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính	12	16.000.000
10	- Kinh phí trợ cấp thời việc	12	100.000.000
11	- Kinh phí bồi dưỡng Giám định viên tư pháp	12	4.540.000.000
12	- Kinh phí Ban chỉ đạo thực hiện đề án Giám định tư pháp	12	124.000.000
13	- Kinh phí ĐA năng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Trung tâm Thương mại đến năm 2020	12	97.000.000
14	- Kinh phí Đề án phát triển đội ngũ Luật sư đến năm 2020	12	20.000.000
15	- Kinh phí Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật	12	2.200.000.000
16	- Kinh phí Kiểm tra, rà soát, nhập dữ liệu văn bản	12	192.000.000
17	- Kinh phí theo dõi thi hành pháp luật, công tác bồi thường nhà nước, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC (theo chỉ đạo của UBND TP)	12	230.000.000
18	- Kinh phí tổ chức Hội nghị pháp luật	12	262.000.000
19	- Kinh phí triển khai thi hành Luật Hộ tịch	12	100.000.000
20	- Kinh phí triển khai chương trình hành động Quốc gia về công tác Hộ tịch tại TP.HCM	12	235.000.000
21	- Kinh phí nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài	12	178.000.000
22	- Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	12	150.000.000
23	- Kinh phí mua sắm tài sản (trong đó: 10% dành để thực hiện CCTL là 50 trđ)	12	500.000.000
24	- Kinh phí sửa chữa trụ sở, cơ sở hạ tầng (trong đó: 10% dành để thực hiện CCTL là 49,5 trđ)	12	495.000.000
25	- Kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí	12	3.018.000.000
26	- Kinh phí tham gia vụ kiện nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Tam An	12	23.190.000.000

Đvt: đồng

BẢNG KẾ CHỈ TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN KHÔNG TỰ CHỦ NĂM 2020

(Đính kèm Biểu số 2 - Đơn vi SDNS: Văn Phòng Cơ quan Sở Tư pháp)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SỞ TƯ PHÁP